

THÔNG BÁO
Lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000054/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000113/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000119/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000110/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000111/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000081/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000117/QĐ-XPHC.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Địa chỉ: Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 02438255868

2. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

2.1. Lô số 01:

- Tài sản gồm: 1.538 chiếc áo dài tay, 350 bộ quần áo, 230 chiếc quần bò, 72 chiếc váy bò không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 1).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000054/QĐ-XPHC ngày 26/12/2023 của Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường (QLTT).

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 557/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước là: 9.596.000 đồng (Chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn).

2.2. Lô số 02:

- Tài sản gồm có: 34 chiếc màn hình sử dụng trên ô tô các loại, 95 chiếc camera hành trình ô tô không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 2).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000081/QĐ-XPVPHC ngày 06/8/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 563/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 26.900.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

2.3. Lô số 03:

- Tài sản gồm: 20 chiếc xe điện các loại 3 bánh và 05 chiếc xe điện các loại 4 bánh; không có pin lithium, không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ; chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 3).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000110/QĐ-XPVPHC ngày 11/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 561/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

2.4. Lô số 04:

- Tài sản gồm có: Tài sản gồm: 7.000 kg (226 cuộn) vải thun dệt kim, có kích thước khổ 1,6m, gồm: 161 cuộn vải thun đen dệt kim (Interlock Double), khối lượng là 5.005,35 kg; 51 cuộn vải thun xanh dương dệt kim (Single Jersey) khối lượng là 1.622,1 kg; 14 cuộn vải thun xanh dương dệt kim (Single Jersey) khối lượng là 372,55 kg không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 4).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000111/QĐ-XPVPHC ngày 15/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 562/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

2.5. Lô số 05:

- Tài sản gồm có: 2.320 đơn vị sản phẩm phụ tùng xe máy các loại, không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 5).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPVPHC ngày 27/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 560/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 161.610.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn).

2.6. Lô số 06:

- Tài sản gồm có: 2.942 đơn vị sản phẩm phụ tùng ô tô các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 6).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000113/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 558/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 214.910.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn).

2.7. Lô số 07:

- Tài sản gồm có: 5.010 kg vải dệt thoi có lõi bên trong, màu hoa văn, không có nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 7).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000117/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 564/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 90.180.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

2.8. Lô số 08:

- Tài sản gồm có: 16 chiếc xe đạp điện các loại, không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng, không có tem hợp quy, không có bình ắc quy (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 8).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000119/QĐ-XPVPHC ngày 26/12/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 559/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Bán đấu giá riêng từng lô, phương thức trả giá lên, khách hàng tự chịu mọi chi phí phát sinh trong vận chuyển, bốc xếp hàng hóa và các thủ tục cần thiết theo quy định để hàng hóa lưu thông trên thị trường.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Ồ chức hành nghề đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Bảng điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu	19,0

	giá	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công	

	thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10%) trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Tổ chức hành nghề đấu giá có văn bản thông báo công bố đạt cấp độ 3 theo quy định pháp luật về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Hệ thống đấu giá trực tuyến đã kết nối với VneID	3,0
Tổng số điểm		100

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

Địa chỉ: Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 02438255868.

Lưu ý:

- Chỉ nhận hồ sơ nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình Căn cước công dân.

- Không hoàn trả hồ sơ đối với những đơn vị không được lựa chọn.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia lựa chọn. *on*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Website Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;
- Văn phòng Cục;
- Lưu: VT, NV (haptv).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Thanh Binh
Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

(Kèm theo Thông báo số 91 /TB-TTTN ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Áo dài tay	Chiếc	1.538	2.000	3.076.000	Không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng
2	Bộ quần áo	Bộ	350	10.000	3.500.000		
3	Quần bò	Chiếc	230	10.000	2.300.000		
4	Chân váy bò	Chiếc	72	10.000	720.000		
	Cộng		2.190		9.596.000		

(Bằng chữ: Chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn)

PHỤ LỤC 2

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

số 69000081/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số **91** /TB-TTTN ngày **26** tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Màn hình sử dụng trên ô tô Oledpro X4s	Chiếc	3	500.000	1.500.000	Không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng
2	Màn hình sử dụng trên ô tô Oledpro X8s	Chiếc	4	600.000	2.400.000		
3	Màn hình sử dụng trên ô tô Oledpro A5	Chiếc	16	500.000	8.000.000		
4	Màn hình sử dụng trên ô tô Oledpro seri X4	Chiếc	7	500.000	3.500.000		
5	Màn hình sử dụng trên ô tô Oledpro seri X5s	Chiếc	4	500.000	2.000.000		
6	Camera hành chính ô tô X7 Metal Shell	Chiếc	95	100.000	9.500.000		
	Cộng		129		26.900.000		

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
số 69000110/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 91/TB-TTTN ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Xe điện 3 bánh	Chiếc	14	4.000.000	56.000.000	Không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng, không có pin lithium
2	Xe điện 3 bánh	Chiếc	3	4.000.000	12.000.000		
3	Xe điện 3 bánh	Chiếc	1	4.000.000	4.000.000		
4	Xe điện 3 bánh	Chiếc	2	4.000.000	8.000.000		
5	Xe điện 4 bánh	Chiếc	3	14.000.000	42.000.000		
6	Xe điện 4 bánh	Chiếc	2	14.000.000	28.000.000		
	Cộng		25		150.000.000		

(Bảng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

PHỤ LỤC 4

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

số 69000111/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số **91** /TB-TTTN ngày **26** tháng 12 năm 2025
của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Vải thun dệt kim các loại	Kg	7.000	20.000	140.000.000	Không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng
	Cộng		7.000		140.000.000		

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

PHỤ LỤC 5

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

số 69000112/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số **91** /TB-TTTN ngày **26** tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thi trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Pát heo dầu thắng	Cái	304	70.000	21.280.000	Không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng
2	Pát heo dầu thắng sau nguyên khối	Cái	28	70.000	1.960.000		
3	Gù chống rung tay lái xe máy bằng kim loại	Cặp	140	50.000	7.000.000		
4	Ốp chống rung phụộc trước xe máy	Cái	300	10.000	3.000.000		
5	Đèn led đuôi xe máy nhãn hiệu TST	Cái	70	70.000	4.900.000		
6	Dây ga xe máy	Dây	80	10.000	800.000		
7	Van vòi bánh xe máy	Cái	106	20.000	2.120.000		
8	Baga giữa của xe máy	Cái	93	50.000	4.650.000		
9	Dây dẫn dầu thắng	Dây	1.140	70.000	79.800.000		
10	Bộ Ốc kiểu xe máy	Bộ	14	200.000	2.800.000		
11	Bộ Pat để gắn ốp nhựa xe máy	Bộ	15	70.000	1.050.000		
12	Chạng 3 xe máy	Cái	15	150.000	2.250.000		
13	Phuộc xe máy	Bộ	15	2.000.000	30.000.000		
	Cộng		2.320		161.610.000		

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn)

SỐ 69000113/QĐ-XPHC

của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Thuốc lái ô tô có trợ lực	cái	73	1.000.000	73.000.000	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng
2	Thuốc lái ô tô không có trợ lực	cái	42	500.000	21.000.000		
3	Trục truyền động xe ô tô (cây láp)	cái	158	300.000	47.400.000		
4	Chụp bụi giảm sóc xe ô tô	cái	621	20.000	12.420.000		
5	Chụp bụi thuốc lái dùng cho xe ô tô	cái	1.200	15.000	18.000.000		
6	Bổ thắng đĩa xe ô tô	bộ	363	70.000	25.410.000		
7	Bộ giảm sóc xe ô tô (Phuộc)	cái	46	100.000	4.600.000		
8	Bộ bơm nước	cái	86	70.000	6.020.000		
9	Thanh cân bằng hệ thống lái ô tô (thanh Ro-tuyn)	cái	353	20.000	7.060.000		
	Cộng		2.942		214.910.000		

(Bảng chữ: Hai trăm mười bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn)

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

(Kèm theo Thông báo số 91 /TB-TTTN ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Vải dệt thoi có lõi giấy bên trong	Kg	5.010	18.000	90.180.000	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng
	Cộng		5.010		90.180.000		

(Bằng chữ: Chín mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

(Kèm theo Thông báo số **91** /TB-TTTN ngày **26** tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Tình trạng hàng hóa
1	Xe đạp điện Fuji	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000	Không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chưa qua sử dụng, không có tem hợp quy, không có bình ắc quy
2	Xe đạp điện Nijia	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000		
3	Xe đạp điện Kaiser Vario	Chiếc	1	6.700.000	6.700.000		
4	Xe đạp điện (không có nhãn hiệu)	Chiếc	13	1.000.000	13.000.000		
	Cộng		16		24.700.000		

(Bảng chữ: Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)